



BETTER POLICIES FOR BETTER LIVES

GIỚI THIỆU BÁO CÁO TỔNG QUAN CỦA OECD - NGÂN HÀNG THẾ GIỚI:  
**Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo ở  
Việt Nam**

Trình bày tại buổi giới thiệu Báo cáo của OECD-Ngân hàng Thế giới:  
Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo ở Việt Nam

Gang ZHANG

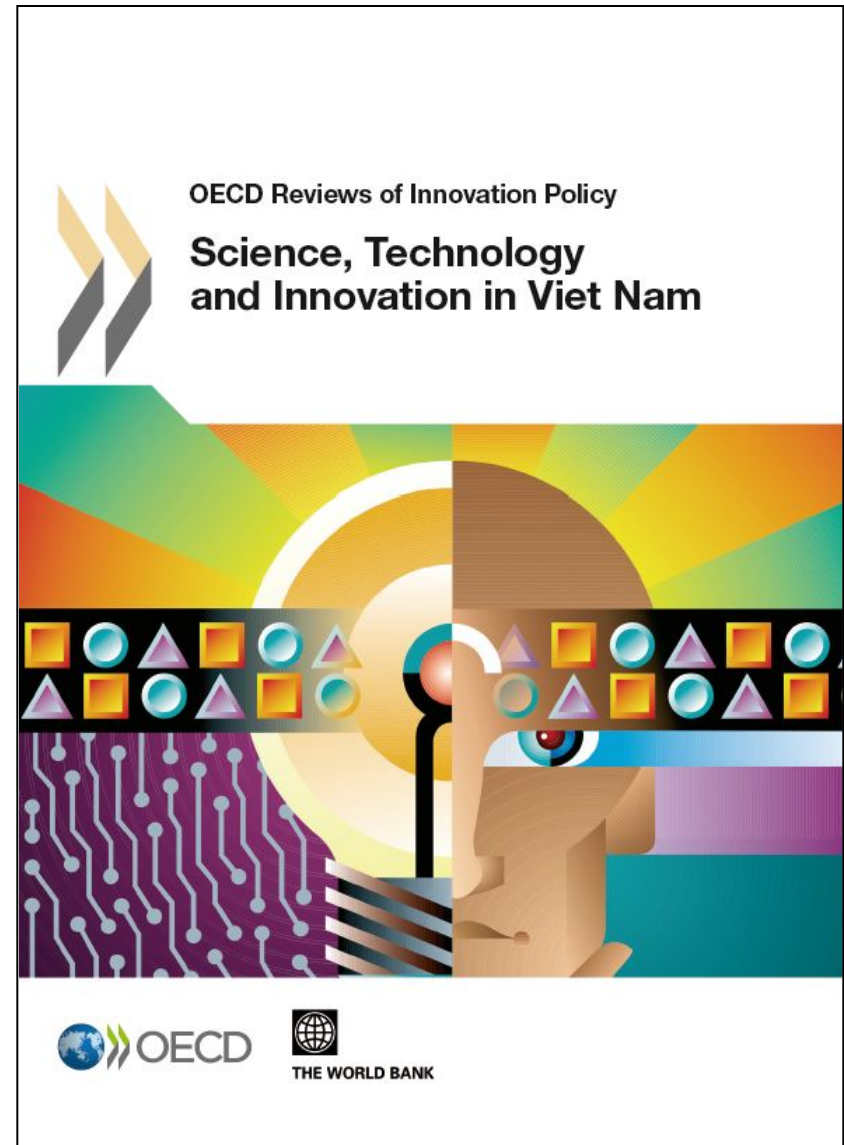
Chuyên gia cao cấp kinh tế

Cục Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, OECD

Hà Nội, ngày 24/11/2014

# Nội dung

- Tổng quan chung về loạt báo cáo "Tổng quan của OECD về chính sách đổi mới sáng tạo"
- Tổng quan "Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo ở Việt Nam"
- Những kết quả chính trong Tổng quan
- Những khuyến nghị chính sách chính của Tổng quan





# Loạt tài liệu của OECD "Tổng quan chính sách đổi mới sáng tạo" là gì?

Từ năm 2005, OECD phát hành loạt tài liệu the "Tổng quan chính sách đổi mới sáng tạo" nhằm phục vụ mục đích:

• "Một dịch vụ tùy biến" để hỗ trợ các nước cải thiện chính sách KH, CN và ĐMST, và việc thực chính sách;

• "Một Công cụ học tập" để củng cố và thông tin những nghiên cứu chuyên đề của OECD về các vấn đề chính sách KH, CN và ĐMST trên cơ sở phân tích chung trong khung cảnh đặc thù quốc gia;

• "Một công cụ tích hợp": để hỗ trợ sự tham gia của những đối tác lựa chọn vào hoạt động của OECD về KH, CN và ĐMST và để hưởng lợi từ kinh nghiệm của OECD và nước mình.

*Loạt tài liệu Tổng quan này cung cấp một sự phân tích toàn diện về hệ thống đổi mới quốc gia tương ứng - có nhấn mạnh đến vai trò của chính sách của chính phủ.*



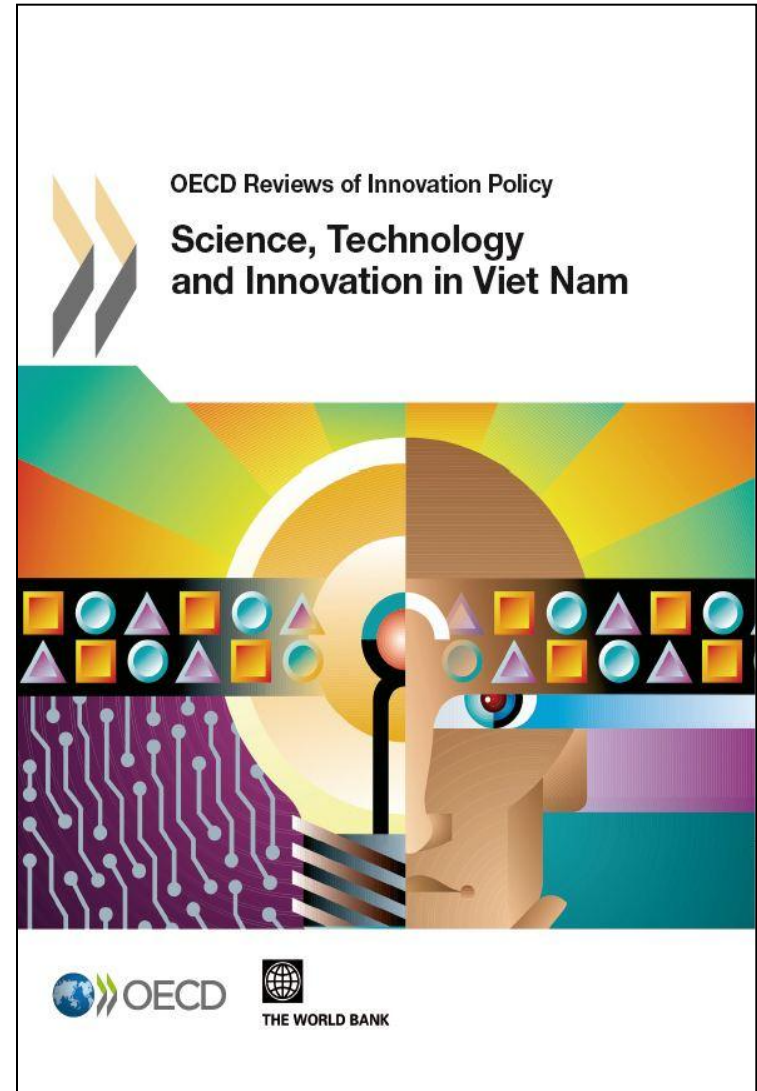
See: [www.oecd.org/sti/innovation/reviews](http://www.oecd.org/sti/innovation/reviews)

# Diện bao quát rộng các nước OECD và nền kinh tế đang nổi lên đã được nghiên cứu

	<b>OECD</b>	<b>Nền kinh tế đang nổi lên</b>	<b>Other emerging</b>
Đã hoàn thành	Luxembourg, Thụy Sĩ, New Zealand, Chi Lê, Na Uy, Hy Lạp, Hungary, <b>Hàn Quốc</b> , Mehicô, Slovenia, Thụy Điển, Hà Lan, Pháp	Nam Phi, <b>Trung Quốc</b> ; LB Nga	<b>Việt Nam</b> Pêru, Croatia, Côlômbia, và Đông Nam Á (khu vực)
Đang thực hiện	Luxembourg (duyet lại lần 2)		<b>Malaixia</b>
Đang chuẩn bị	Đang thảo luận với một số nước	Đang thảo luận với một số nước/nền kinh tế	Costa Rica, Lithuania, Kazakhstan

# Tổng quan của OECD-Ngân hàng Thế giới về KH, CN và ĐMST tại Việt Nam

- Tổng quan được Bộ KH&CN đề nghị thực hiện.
- Là một sự thực hiện hợp tác chung giữa OECD và NHTG, và là kết quả đầu tiên của kiểu hợp tác này.
- Tổng quan được hỗ trợ bởi Chương trình Đối tác ĐMST (IPP) của Phần Lan với Việt Nam
- Nhiều nhà hoạch định chính sách, nhà khoa học, chuyên gia và các doanh nghiệp đã đóng góp vào tổng quan thông qua việc chia sẻ quan điểm, cách nhìn nhận vấn đề với Nhóm biên soạn.





# Phạm vi và cấu trúc của Báo cáo tổng quan

- **Chương 1. Đánh giá chung và những khuyến nghị:** cung cấp sự phân tích toàn diện về hệ thống KH, CN và ĐMST của Việt Nam - với trọng tâm chú ý đến vai trò của chính sách của chính phủ, và đưa ra những khuyến nghị cho việc cải thiện chính sách trong 6 lĩnh vực lớn.
- **Chương 2: Hoạt động kinh tế và điều kiện khung cảnh cho đổi mới sáng tạo:** tổng quan lại sự phát triển trong quá khứ, xem xét khung cảnh toàn cầu và thảo luận vai trò của ĐMST đối với sự phát triển tương lai của Việt Nam
- **Chương 3: Hoạt động ĐMST và những người tham gia chính ở Việt Nam:** thông qua sử dụng những chỉ tiêu số lượng hiện có cũng như những thông tin định tính, đánh giá năng lực KH, CN, ĐMST và việc thực hiện của những bên tham gia chính như: các viện NC của Chính phủ, trường đại học và khu vực doanh nghiệp, trong hệ thống ĐMST của Việt Nam.
- **Chương 4: Nguồn nhân lực cho ĐMST ở Việt Nam:** đề cập đến các vấn đề như loại nhân lực nào tác động nhiều nhất đến ĐMST, hiện trạng nguồn nhân lực của Việt Nam và những khoảng cách và cản trở chính về kỹ năng, những giải pháp chủ yếu cho vấn đề.
- **Chương 5: Vai trò của Chính phủ:** cung cấp một tổng quan ngắn về sự phát triển chính sách KH, CN và ĐMST trong 3 thập kỷ vừa qua, tiếp theo là một đánh giá về khung khổ chính sách hiện nay của chính phủ đối với phát triển KH, CN và ĐMST, và xác định những khu vực mà những chính sách được khuyến nghị cần cải thiện.

# Những thành tựu ấn tượng: tăng trưởng kinh tế, đầu tư và xuất khẩu

- Sự tăng trưởng cao trên 7 % (1990-2007) tạo ra sự tăng nhanh thu nhập bình quân đầu người (từ < 100\$ lên đến 1600\$ trong giai đoạn 1990-2012) và giảm nghèo;
- Tốc độ tăng tích lũy vốn (từ 18%(95) đến 30%(2011) ) với đầu tư là động lực chính của tăng trưởng...
- Xuất khẩu tăng từ dưới 1/3 lên gần 90% of GDP (1995-2011), và đa dạng...

Growth of GDP per capita, 1990-2011

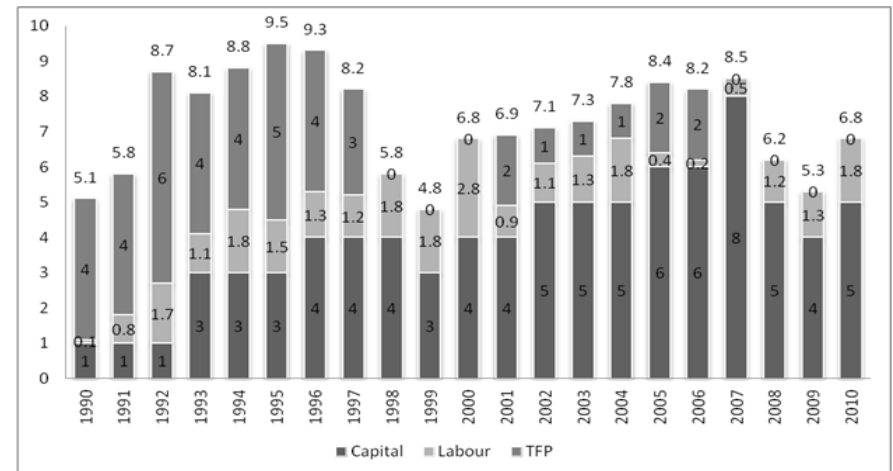
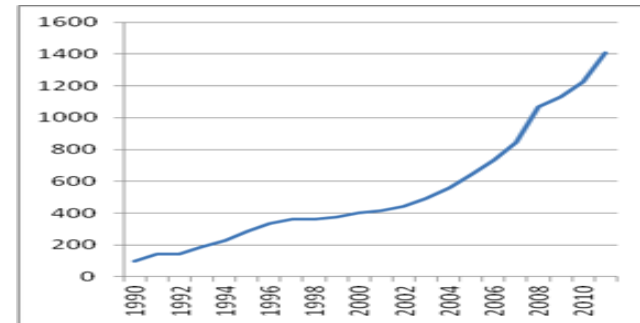
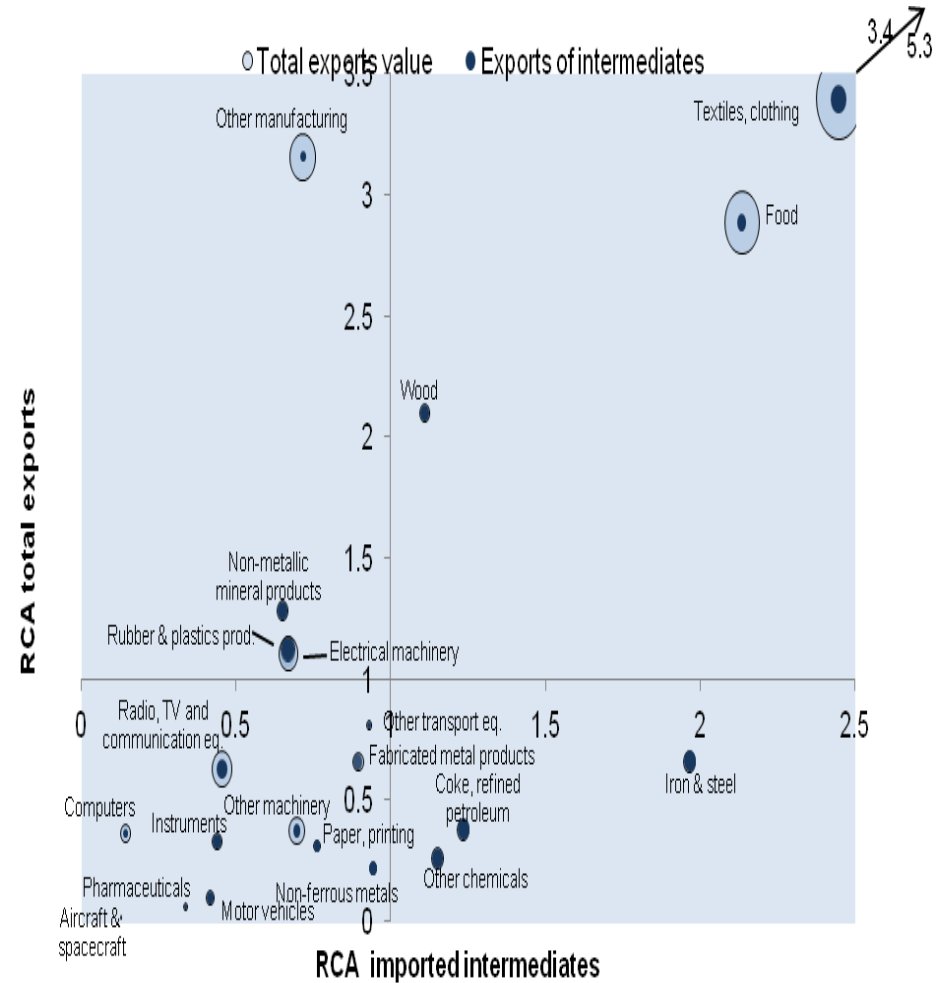
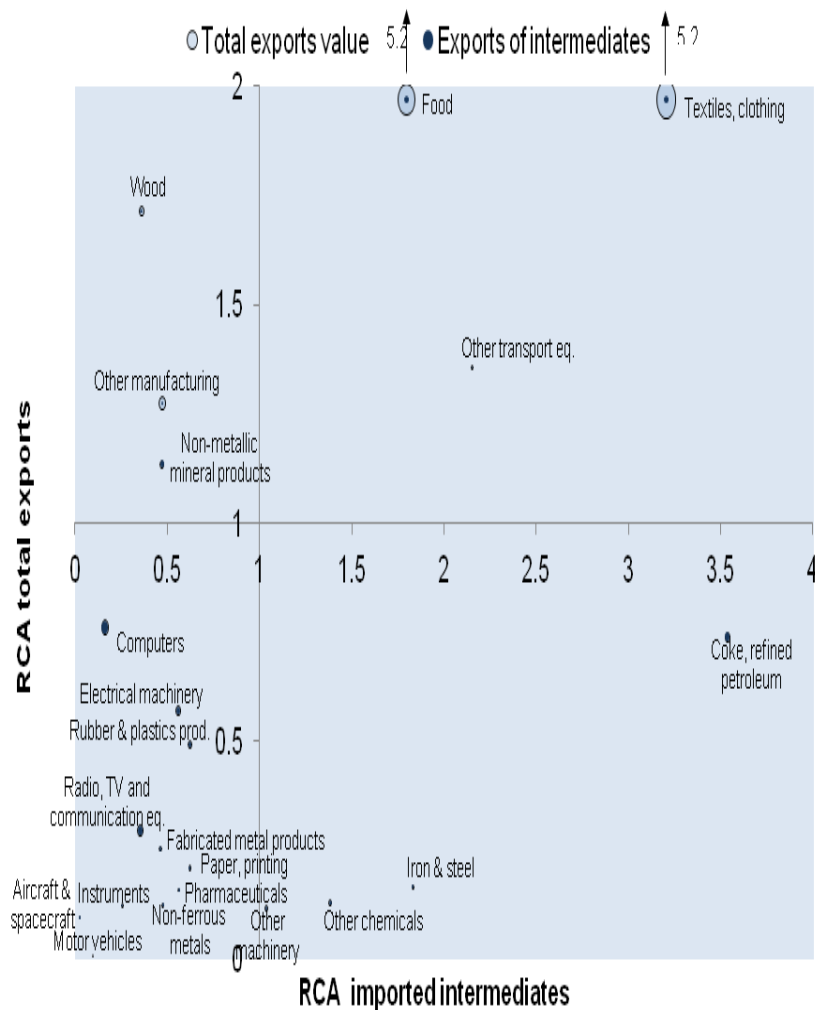


Table 1.2. Exports of goods and services as a percentage of GDP, 1995-2011

Country	1995	2011
China	20.23	31.36
Viet Nam	32.81	86.96

# Lợi thế so sánh biểu hiện của Việt Nam được cải thiện, 2000 so với 2011





# Đến gần ngã ba đường - đối diện với thách thức

- Tăng trưởng GDP chậm lại, còn khoảng 5% cho giai đoạn từ 2007, trong môi trường toàn cầu trầm lắng;
- Những nguồn cho phát triển đã giảm sức mạnh, tốc độ tăng TFP (total factor productivity growth) giảm trong giai đoạn 2005-10;
- Thay đổi cấu trúc theo hướng "công nghệ cao" chậm, trong khi bị gắn chặt với hoạt động có giá trị gia tăng thấp, làm tăng nguy cơ rơi vào "Bẫy thu nhập trung bình";
- *Việt Nam cần phải dựa nhiều hơn vào nâng cao năng suất nhờ ĐMST. Điều này sẽ đòi hỏi sự cải thiện đáng kể năng lực ĐMST trong nước.*

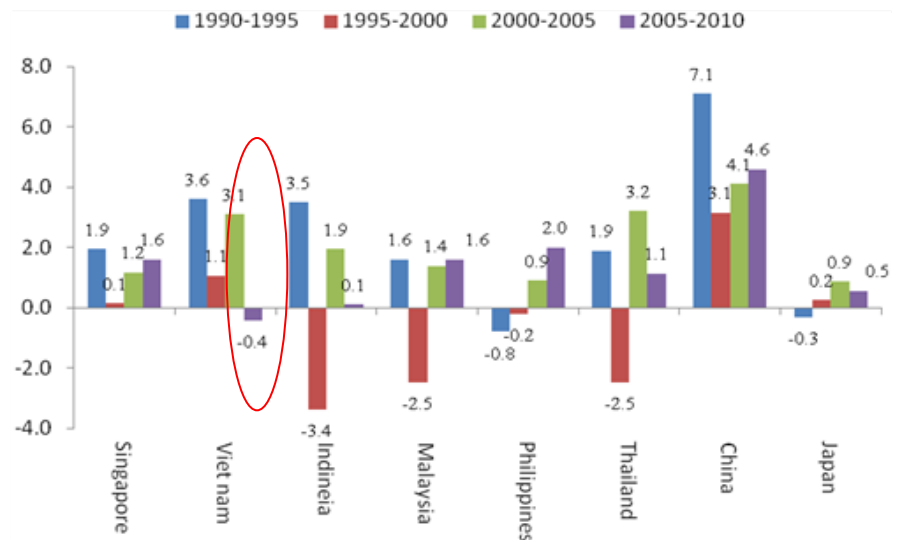


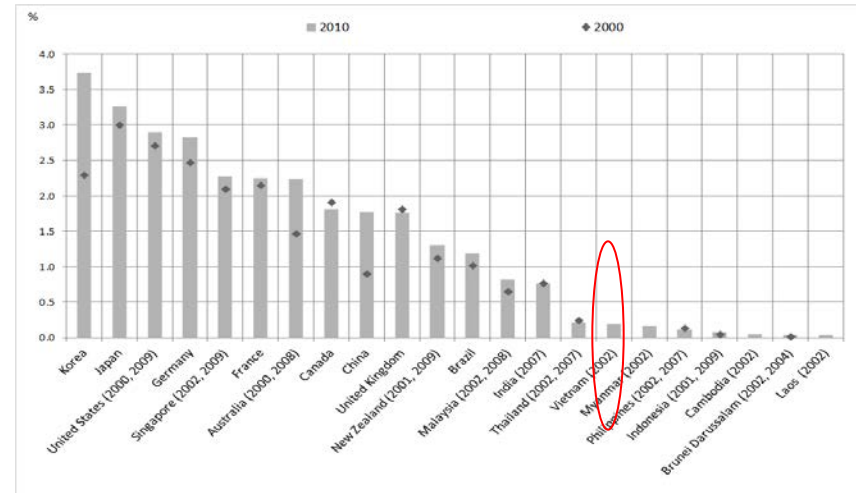
Table 1.4. Technological structure of manufactured exports for Viet Nam and comparator countries, 2000 and 2009

Country	2000				2009			
	HT	MT	LT	RB	HT	MT	LT	RB
Viet Nam	11%	10%	65%	14%	12%	13%	62%	12%
China	21%	24%	45%	9%	32%	28%	32%	8%

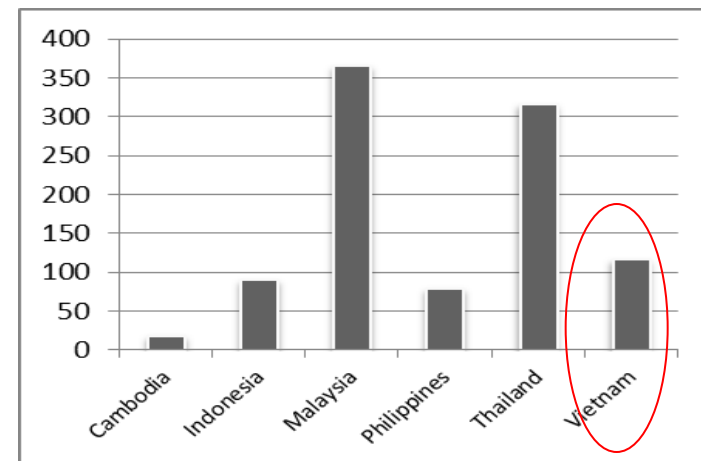
# Current state of play in STI in Viet Nam

- STI capabilities are weak and much needs to be done to improve them...
- Overall, current level of investment in R&D is very low
- ... as is the share of human resources in total population...
- *In sum, available indications are that research, which is a part of wider innovation activity, is still a peripheral activity in Viet Nam, both in the business and in the public sector.*

**GERD as % of GDP is low ...**

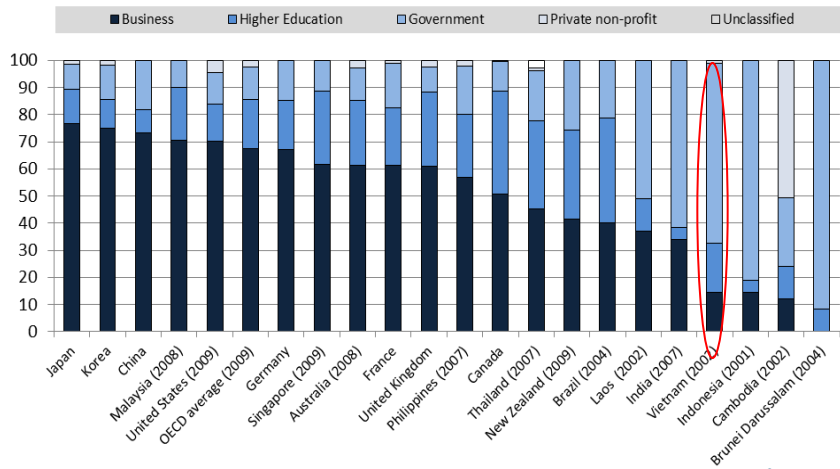


**As is the share of researchers per million population...**

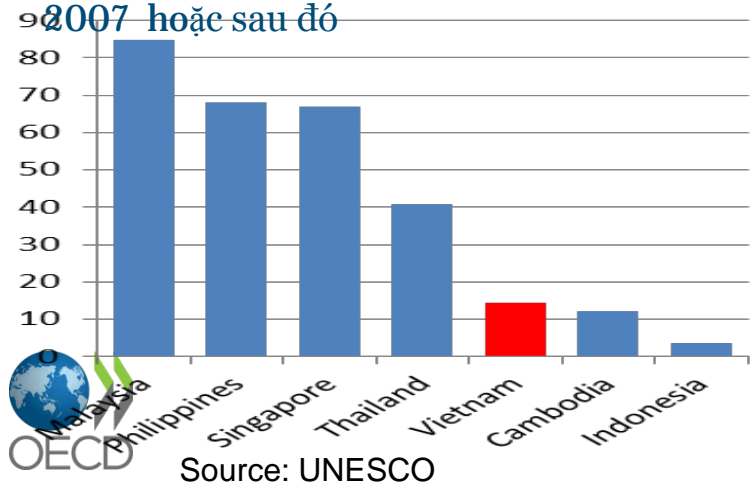


# ĐMST doanh nghiệp ở Việt Nam: Đầu tư và thực hiện

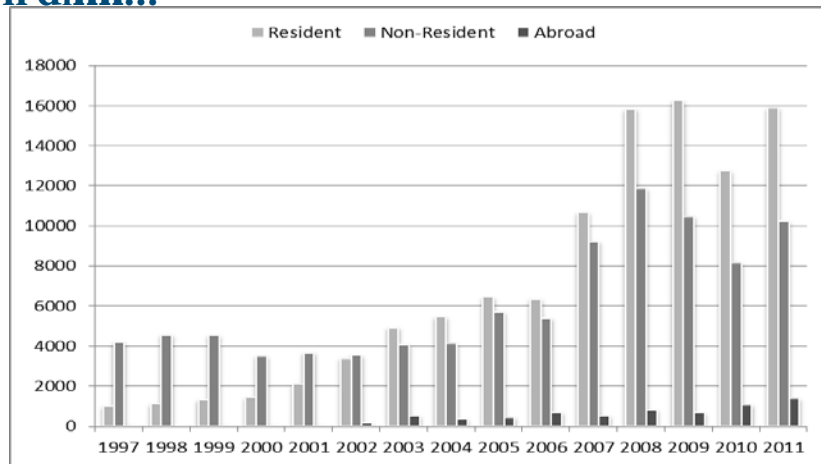
*Khu vực doanh nghiệp chiếm tỷ lệ nhỏ trong cả đầu tư cho và thực hiện NC&PT*



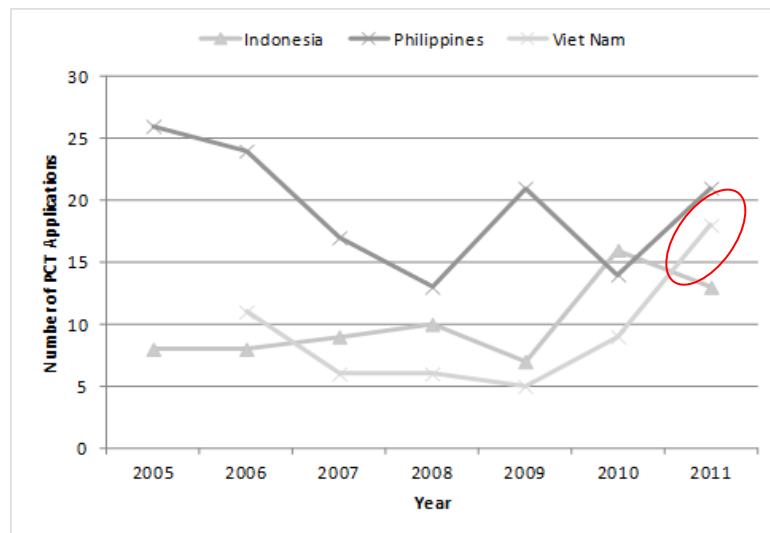
**Chi NC&PT của doanh nghiệp (BERD)/Tổng chi trong nước cho NC&PT (GERD), năm 2007 hoặc sau đó**



**Trong khi đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tăng ổn định...**

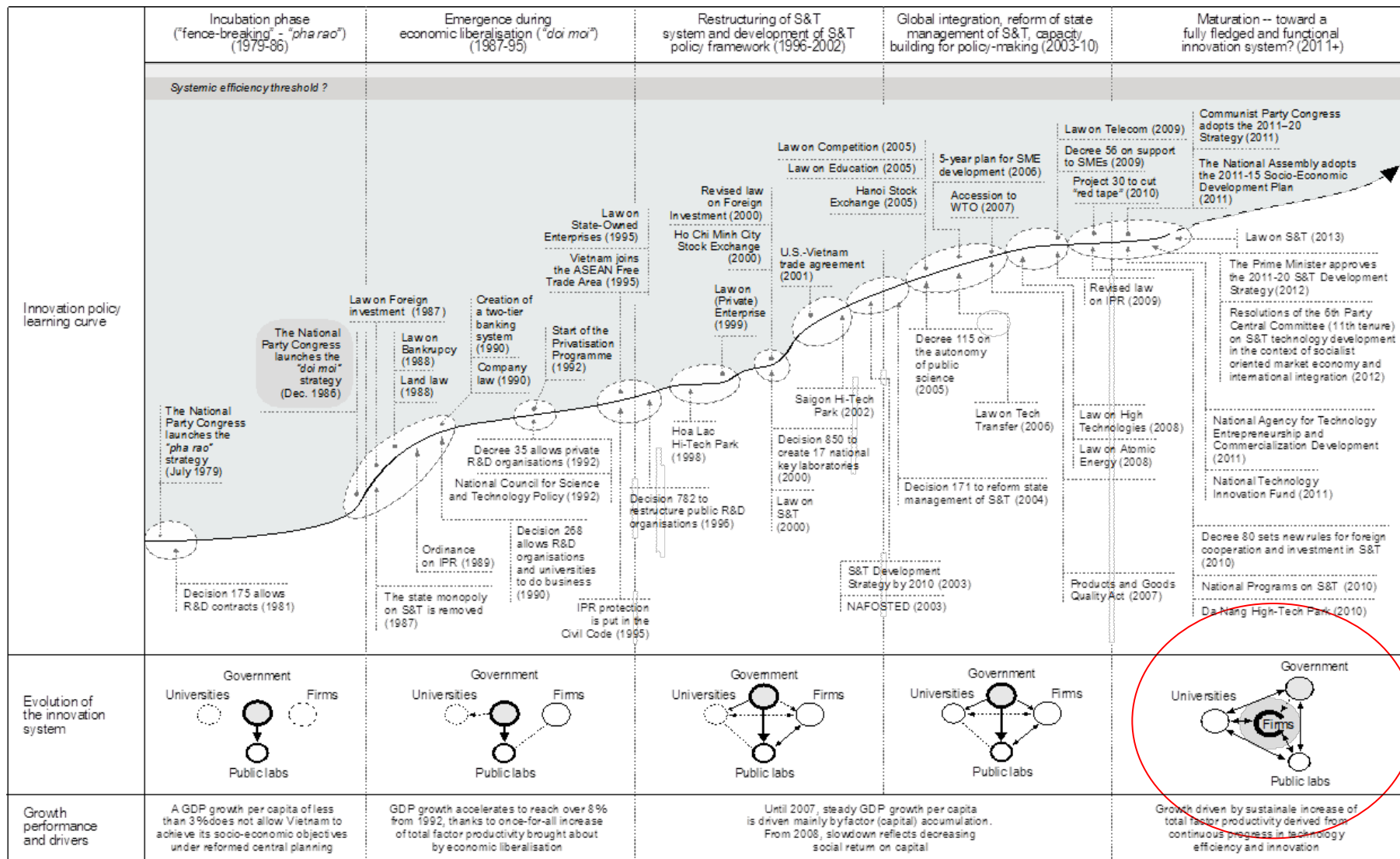


**thì đăng ký sáng chế quốc tế là thấp (<10/năm, 05-11)**





# Sự phát triển của chính sách KH, CM và ĐMST ở Việt Nam giai đoạn 1979-2011



# Tóm lược: Phân tích SWOT

## Thế mạnh

- Kinh tế phát triển tốt và giảm mức độ nghèo.
- Có vị trí địa lý trong một khu vực năng động nhất toàn cầu.
- Quy mô lực lượng lao động và cơ cấu dân số phù hợp.
- Nỗ lực giáo dục quốc gia cao; hệ thống giáo dục phổ thông tốt
- Hấp dẫn đối với đầu tư của các doanh nghiệp đa quốc gia.
- Sức mạnh xuất khẩu trong một loạt lĩnh vực.
- Uy tín trong một số lĩnh vực KH&CN như toán học và một số lĩnh vực nghiên cứu sinh học nông nghiệp
- Nỗ lực trong tạo ra và duy trì tổ chức và các thiết chế hỗ trợ ĐMST.
- Sáng kiến khu vực có lợi cho quốc gia.

## Cơ hội

- Phát triển tiếp tục nguồn nhân lực và kỹ năng với cộng đồng người Việt khá lớn.
- Nuôi khu vực doanh nghiệp năng động và năng lực ĐMST của họ.
- Đa dạng hoá và phát triển nền kinh tế.
- Phát triển thái độ phù hợp với việc chấp nhận rủi ro
- Cải thiện hiệu quả của hệ thống ĐMST về tác động kinh tế và xã hội.
- Tăng cường sự tăng trưởng toàn diện

## Yếu điểm

- Mức năng suất và thu nhập thấp.
- Điều kiện khung khổ không phù hợp, chưa khuyến khích ĐMST.
- Tiếp cận của doanh nghiệp đến tài chính hạn chế.
- Không hiệu quả trong doanh nghiệp nhà nước
- Cơ sở hạ tầng thiếu.. Hạn chế của hạ tầng KH&CN
- Hoạt động của hệ thống học và dạy yếu.
- Mức độ phức tạp thấp của sản xuất và xuất khẩu
- ĐMST không nhiều và năng lực NC&PT doanh nghiệp thấp
- Nghiên cứu khu vực công thực hiện yếu .
- Cơ sở thông tin cho hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng công yếu, sự hệ thống quản lý và thực hiện chính sách KHCN, ĐMST chưa phù hợp.

## Nguy cơ / Threats

- Điều kiện phát triển KT vĩ mô không thuận lợi và tăng trưởng giảm
- Thất bại trong việc cải thiện môi trường thể chế và kinh doanh do cải tổ hệ thống ngân hàng và tham nhũng.
- Chảy máu chất xám tăng
- Thất bại trong chuẩn bị cho cạnh tranh quốc tế đang tăng lên
- Bẫy thu nhập trung bình

# Khuyến nghị chính sách: Cải thiện điều kiện khung khổ cho ĐMST

- ❑ ***Kinh nghiệm quốc gia thành công*** cho thấy điều kiện khung khổ tốt và môi trường kinh doanh khoẻ mạnh là cần thiết cho tiến hành mạnh mẽ ĐMST.
- ❑ ***Trong vài thập kỷ, Việt Nam đã có những tiến bộ đáng kể*** về nhiều khía cạnh, chuyển dịch từ nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN

## ***Những cải thiện cần nhằm đến:***

- ✓ ***Thiết lập và duy trì điều kiện kinh tế vĩ mô vững chắc và ổn định;***
- ✓ ***Cải thiện môi trường kinh doanh*** thông qua giảm thủ tục hành chính, chi phí không hợp lý và không minh bạch;
- ✓ ***Giảm gánh nặng cho làm kinh tế*** bằng cách giải quyết rào cản quan liêu cho việc khởi sự doanh nghiệp và nhấn mạnh cách tiếp cận thân thiện với doanh nghiệp, hướng đến người sử dụng trong cung cấp dịch vụ công
- ✓ ***Giải quyết các khía cạnh của hệ thống tài chính và những quy định liên quan cản trở*** việc cấp tài chính cho các dự án ĐMST trong khu vực doanh nghiệp, kể cả DN nhỏ và vừa;
- ✓ ***Tiếp tục giảm sự vượt trội của DNNN*** và sự không cân đối trong ưu đãi đối với hoạt động ĐMST doanh nghiệp;
- ✓ ***Củng cố những khuyến khích thị trường đã tạo thuận lợi cho ĐMST bằng cách cải thiện bảo vệ và thực thi quyền SHTT với mức độ răn đe đối với vi phạm***
- ✓ ***Mở rộng và cải thiện chất lượng của hạ tầng then chốt cho ĐMST***



# Khuyến nghị chính sách: Cải thiện quản lý công về hệ thống ĐMST

- ❑ *Vai trò của Chính phủ cần tập trung vào cung cấp định hướng dài hạn những ưu tiên kinh tế và xã hội; đảm bảo sự phân bổ hợp lý nguồn lực cho KH-CN, ĐMST; thực hiện nghiên cứu công và giáo dục; và tạo thuận lợi cho mối liên kết của các thành phần then chốt của hệ thống ĐMST và hoạt động của nó như một hệ thống hoàn chỉnh.*
- ❑ *Hệ thống quản lý ĐMST của Việt Nam còn nhiều hạn chế liên quan đến sự thiếu sự cam kết hiệu quả, điều phối và thực hiện không hiệu quả các chính sách của chính phủ*

## *Những cải tiến cần nhằm đến :*

- *Cải thiện hiệu quả của chính sách ĐMST bằng thiết lập những mục tiêu tham vọng nhưng phải thực tế và khả thi;*
- *Cải thiện sự phối hợp giữa các bộ, ngành;*
- *Cải thiện sự tham gia của các bên ngoài nhà nước, quan trọng là của khu vực doanh nghiệp, vào hình thành các chiến lược và chính sách;*
- *Nâng cao năng lực thực hiện của chính phủ : Chuyên nghiệp hoá các cơ quan chính phủ với cấp độ đủ để hoạt động tự chủ và năng lực để giúp việc nâng cao thực hiện chính sách;*
- *Đẩy mạnh cơ sở chứng cứ cho hoạch định chính sách bằng cách đẩy mạnh sử dụng các chỉ tiêu thống kê, phân tích chính sách và đánh giá kết quả trong quá trình hoạch định chính sách;*
- *Thiết lập hệ thống đánh giá kịp thời, minh bạch, hoạt động. Kết quả của đánh giá cần được phản ánh trong quá trình hoạch định chính sách.*
- *Nâng cao vị thế của chính sách KH, CN và ĐMST thông qua sự lãnh đạo có tầm nhìn và sự cam kết chính sách đối với phát triển KH, CN và ĐMST.*

# Khuyến nghị chính sách: Củng cố nguồn nhân lực cho ĐMST

- **Nhân lực là nguồn lực then chốt cho ĐMST.** Việt Nam đã có những nỗ lực đáng kể về đào tạo và nâng cao kỹ năng. Kết quả của đánh giá của OECD PISA năm 2012 về học sinh phổ thông là một điểm làm.
- **Tuy nhiên, Việt Nam cần cải thiện chất lượng và số lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là cấp đại học và dạy nghề cần thiết cho sự tăng trưởng dựa trên ĐMST**

*Những cải tiến cần nhằm đến :*

- **Nâng cao kinh phí cho giáo dục đại học;**
- **Cải thiện và hiện đại hoá chương trình đào tạo chính quy;**
- **Cải thiện sự phù hợp giữa giáo dục trong nhà trường và nhu cầu kỹ năng của thị trường lao động;**
- **Mở rộng các lựa chọn cho chuyên môn hoá chuyên nghiệp ở bậc giáo dục trung học và nâng cao chất lượng đào tạo nghề;**
- **Nâng cao kỹ năng của lực lượng lao động đang có;**
- **Sử dụng sự đối tác công tư (PPPs)**
- **Cải thiện kỹ năng của nhân lực khu vực công**

# Khuyến nghị chính sách: Củng cố ĐMST trong khu vực doanh nghiệp

- ❑ *Doanh nghiệp phát triển mạnh dựa trên ĐMST - Business enterprises that thrive on innovation* – và đẩy mạnh NC&PT của trường đại học và tổ chức NC&PT công – là trung tâm của mọi hệ thống ĐMST quốc gia, động lực của tăng trưởng và phát triển.
- ❑ *Khu vực doanh nghiệp của Việt Nam chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong chi tiêu cho NC&PT. Rất ít doanh nghiệp thực hiện NC&PT, mức độ hoạt động ĐMST và kết quả là thấp và sự liên kết với nghiên cứu khu vực nhà nước là yếu*

## *Những cải tiến cần nhằm đến :*

- *Cải thiện năng lực ĐMST tự có của doanh nghiệp;*
- *Đẩy mạnh điều kiện khung khổ thúc đẩy và vững chắc cho ĐMST của Việt Nam;*
- *Nâng cao việc cấp kinh phí cho các cơ chế hỗ trợ công cho NC&PT và ĐMST doanh nghiệp;*
- *Hợp lý hóa và tái định hướng hỗ trợ công cho ĐMST doanh nghiệp;*
- *Thực hiện những giải pháp bổ sung để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài hàm lượng tri thức cao;*
- *Tìm kiếm các hình thức phù hợp cho chương trình đối tác công tư (PPP) cho NC&PT và ĐMST*



# Khuyến nghị chính sách: Cùng cố sự đóng góp của nghiên cứu công

- ❑ ***Khu vực nghiên cứu công của Việt Nam*** đã có sự thay đổi đáng kể từ thời kỳ Đổi mới, nhưng nhiều vấn đề vẫn tồn tại.
- ❑ ***Những tồn tại này bao gồm sự trùng lặp của nhiều phòng thí nghiệm và đơn vị nghiên cứu***, nhiều đơn vị trong số đó có quy mô dưới mức tối ưu, thiếu nguồn lực (kinh phí, nhân lực có trình độ, cơ sở hạ tầng nghiên cứu) và tác biệt với người dùng tiềm năng.

## ***Những cải tiến cần nhằm đến :***

- ❖ ***Giải quyết những vấn đề này một cách hiệu quả***
- ❖ ***Tái cơ cấu một cách vững chắc sự quản lý các tổ chức NC&PT công và các trường đại học nghiên cứu***
- ❖ ***Tiếp tục quá trình doanh nghiệp hoá các tổ chức NC&PT công và hướng đến sự tự chủ của tổ chức.***
- ❖ ***Gắn kết tốt hơn nghiên cứu công với các ưu tiên kinh tế xã hội.***
- ❖ ***Đẩy mạnh vai trò điều phối của Bộ KH&CN ở cấp độ chiến lược***

# Khuyến nghị chính sách: Đẩy mạnh liên kết ĐMST

- ❑ Những thông tin có được đã cho thấy ít có sự cộng tác trong ĐMST giữa các doanh nghiệp (cả giữa các DN Việt Nam và DN Việt Nam-Nước ngoài) và giữa doanh nghiệp với các viện NC&PT công và trường đại học.

## *Những cải tiến cần nhằm đến :*

- *Thiết lập những ưu đãi tổ chức hoặc cá nhân trong trường đại học và các tổ chức NC&PT công nhằm khuyến khích sự cộng tác với doanh nghiệp và hội nhập với mạng lưới KH&CN quốc tế và quốc gia;*
- *Loại bỏ những cơ chế áp đặt cho trường đại học và tổ chức NC&PT công mà chúng hạn chế sự hợp tác;*
- *Khuyến khích thiết lập sự hợp tác đào tạo giữa các tổ chức giáo dục nghề, trường đại học và các doanh nghiệp;*
- *Xem xét các cách để cải thiện tác động của các công viên công nghiệp*
- *Cải thiện năng lực hấp thụ công nghệ của nền công nghiệp Việt Nam.*

# Cảm ơn các bạn

Thank you for your attention!

Để có thêm thông tin, truy cập website:

[www.oecd.org/sti/innovation/reviews](http://www.oecd.org/sti/innovation/reviews)

Hoặc liên hệ theo email:

[Gang.zhang@oecd.org](mailto:Gang.zhang@oecd.org)